

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/01/2025  
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Đức Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Minh Tăng

Bà Cao Thị Thu Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 78a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 78/TB-TA ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thu G, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Anh Đinh Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Thanh T tự tìm hiểu nên tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T đi làm ăn xa rồi phát sinh tình cảm với người phụ

nữ khác, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Có lần anh T còn đánh chị. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện không còn liên lạc gì với nhau.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị G và anh T có 03 con chung là Đinh Thị Kiều N, sinh ngày 10/3/2004; Đinh Thị Kiều L, sinh ngày 30/5/2009 và cháu Đinh Gia K, sinh ngày 01/8/2015, hiện nay các con đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị G đồng ý để 02 con chung là Đinh Thị Kiều L và Đinh Gia K được tự nguyện lựa chọn sống với cha hoặc với mẹ, trường hợp các cháu có nguyện vọng sống với cha thì chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đinh Thị Kiều N đã thành niên và có khả năng lao động nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Đinh Thanh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu G có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và con chung.

- Bị đơn anh Đinh Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu G. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị Thu G được ly hôn với anh Đinh Thanh T. Về con chung: anh Đinh Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Kiều L, sinh ngày 30/5/2009 và cháu Đinh Gia K, sinh ngày 01/8/2015, chị Đinh Thị Thu G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị Thu G khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh Đinh Thanh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đinh Thanh T có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Đinh Thị Thu G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đinh Thị Thu G.

[1.3] Anh Đinh Thanh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu G và anh Đinh Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại bản sao trích lục kết hôn số 81/TLKH-BS ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã H ghi họ, chữ đệm, tên vợ “Đinh Thị G”; họ, chữ đệm, tên chồng “Đinh Thanh T”. Tuy nhiên, tên trong Căn cước công dân và xác nhận thông tin cư trú của chị G lại thể hiện chị có tên là “Đinh Thị Thu G”. Ngày 18/10/2024, chị G đã nêu rõ lý do của việc sai sót tên và xác thực bản thân chị có tên đầy đủ là Đinh Thị Thu G và được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận. Do đó, hoàn toàn có căn cứ để xác định người có tên “Đinh Thị G” trong trích lục kết hôn và người có tên “Đinh Thị Thu G” trong căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú là một người.

Chị G khai rằng vợ chồng tự tìm hiểu nên tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004 (cụ thể ngày đăng ký kết hôn là ngày 07/4/2004), tuy nhiên, tại giấy khai sinh số 75 thể hiện con chung tên Đinh Thị Kiều N sinh ngày 10/3/2004. Như vậy có cơ sở để xác định, giữa chị G và anh T đã sống chung như vợ chồng trước thời điểm đăng ký kết hôn và có 01 con chung trước thời điểm đăng ký kết hôn. Đây cũng là một phần thiếu sót của chị G và anh T về hiểu biết thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, đến ngày 07/4/2004, chị G và anh T đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị G cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ, đến con hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và không còn liên lạc với nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị G và anh T thường xuyên cãi vã và không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng anh T không có ý kiến

phản đối yêu cầu ly hôn của chị G. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị G và anh T có 03 con chung là Đinh Thị Kiều N, sinh ngày 10/3/2004; Đinh Thị Kiều L, sinh ngày 30/5/2009 và cháu Đinh Gia K, sinh ngày 01/8/2015, hiện nay các con đang sống với anh T. Chị G để các con tự nguyện lựa chọn muốn sống với mẹ hoặc với cha.

Xét thấy, các con chung gồm Đinh Thị Kiều L và Đinh Gia K đang sống chung với anh T, được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của con và bản tự khai cháu Đinh Thị Kiều L đều cho thấy, cháu L và cháu K đang được đi học đầy đủ, có cuộc sống ổn định và mong muốn sống với cha nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt nhất về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con, xét nguyện vọng của các con được ở cùng với cha nhằm để ổn định tâm lý, tình cảm của con, Hội đồng xét xử giao cháu Kiều L và cháu Gia K cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Đinh Thị Kiều N đã thành niên và có khả năng lao động nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Thanh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét là phù hợp với Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Bản thân chị G có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Kiều L và cháu Gia K mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị G đối với các con chung chưa thành niên. Tuy nhiên, anh T và chị G không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, cũng như phương thức cấp dưỡng nuôi con do quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cần quyết định mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng dựa trên sự tự nguyện của chị G và phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị G cấp dưỡng cho con Đinh Thị Kiều L và Đinh Gia K mỗi tháng 1.725.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Đ a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu G.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu G và anh Đinh Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 07/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Đinh Thị Kiều L, sinh ngày 30/5/2009 và Đinh Gia K, sinh ngày 01/8/2015 cho anh Đinh Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Thu G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.725.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000634 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Chị Đinh Thị Thu G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- UBND xã Hóa Hợp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đinh Đức Cảnh**